

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 46

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty mẹ bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy	Chủ tịch	-	-
Ông Âu Dương Bửu Xuyên	Thành viên	-	26/06/2024
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên	19/04/2024	-
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Trung Ân	Thành viên	-	-

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty mẹ bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Thanh Hồng	Trưởng ban	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên	-	-
Bà Trương Mộng Tuyền	Thành viên	26/06/2024	-
Bà Trần Huỳnh Tâm Minh	Thành viên	-	26/06/2024

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc của Công ty mẹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	19/04/2024	-
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Trung Ân	Phó Tổng Giám đốc	-	-

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Nhóm Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

789. C
3 TY
4H
& TƯ VẤN
NAM
Ồ CHÍN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Nhóm Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Nhóm Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 187.521.699.760 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Nhóm Công ty tin rằng các ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược sẽ không tiếp tục cung cấp hỗ trợ tài chính cần thiết để Nhóm Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Số: 262 /KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Mục 2.6 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền 187.521.699.760 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Hoài Nam
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1

(Theo Giấy ủy quyền số 10/2024-25/UQ-RSM -
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Giám đốc)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3525-2021-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG I. Tiền và các khoản tương đương tiền 1. Tiền 2. Các khoản tương đương tiền II. Đầu tư tài chính ngắn hạn 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn III. Các khoản phải thu ngắn hạn 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn 3. Phải thu ngắn hạn khác 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi IV. Hàng tồn kho 1. Hàng tồn kho 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho V. Tài sản ngắn hạn khác 1. Chi phí trả trước ngắn hạn 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước B. TÀI SẢN DÀI HẠN I. Các khoản phải thu dài hạn 1. Phải thu dài hạn khác II. Tài sản cố định 1. Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá Giá trị hao mòn lũy kế 2. Tài sản cố định thuê tài chính Nguyên giá Giá trị hao mòn lũy kế 3. Tài sản cố định vô hình Nguyên giá Giá trị hao mòn lũy kế III. Bất động sản đầu tư 1. Nguyên giá 2. Giá trị hao mòn lũy kế IV. Tài sản dở dang dài hạn 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang V. Đầu tư tài chính dài hạn 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn VI. Tài sản dài hạn khác 1. Chi phí trả trước dài hạn 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	100		175.458.991.765	496.345.067.741
	110	4.1	11.976.412.984	46.197.657.103
	111		11.976.412.984	21.197.657.103
	112		-	25.000.000.000
	120	4.2	53.705.000.000	305.000.000.000
	123		53.705.000.000	305.000.000.000
	130		60.495.904.743	78.348.129.370
	131	4.3	30.615.737.938	32.608.274.940
	132	4.4	31.012.734.608	33.263.419.941
	136	4.5	3.260.235.746	16.647.458.187
	137		(4.392.803.549)	(4.171.023.698)
	140	4.6	48.293.633.777	63.941.690.242
	141		48.333.145.931	63.941.690.242
	149		(39.512.154)	-
	150		988.040.261	2.857.591.026
	151	4.12	295.105.990	2.621.392.152
	153	4.15	692.934.271	236.198.874
	200		934.051.348.898	946.984.566.085
	210	4.5	10.124.970.631	9.909.908.852
	220	4.8	102.833.336.552	119.978.395.676
	221		80.680.934.476	97.267.819.368
	222		367.844.068.798	372.432.010.741
	223		(287.163.134.322)	(275.164.191.373)
	224	4.10	18.712.045.351	19.270.219.583
	225		25.959.244.055	25.959.244.055
	226		(7.247.198.704)	(6.689.024.472)
	227	4.9	3.440.356.725	3.440.356.725
	228		6.029.344.330	6.029.344.330
	229		(2.588.987.605)	(2.588.987.605)
	230	4.11	77.451.914.250	80.907.018.234
	231		86.377.599.542	86.377.599.542
	232		(8.925.685.292)	(5.470.581.308)
	240	4.7	437.722.416.211	429.507.168.211
	242		437.722.416.211	429.507.168.211
	250	4.2	-	-
	253		1.192.413.670	1.192.413.670
	254		(1.192.413.670)	(1.192.413.670)
	260	4.12	305.918.711.254	306.682.075.112
	261		303.798.861.184	306.439.384.129
	262		2.119.850.070	242.690.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			1.109.510.340.663	1.443.329.633.826
	270			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		563.221.556.197	860.429.419.831
I. Nợ ngắn hạn	310		362.980.691.525	616.594.065.019
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	18.085.995.691	22.914.332.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	4.725.739.488	13.052.235.033
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	4.797.378.903	31.525.430.006
4. Phải trả người lao động	314		6.525.744	16.814.785.494
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.275.791.830	26.062.945.307
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	4.683.944.073	4.711.024.208
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	50.019.715.726	50.770.316.200
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	270.549.292.271	439.151.561.595
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		904.938.448	1.597.237.060
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.931.369.351	9.994.197.951
II. Nợ dài hạn	330		200.240.864.672	243.835.354.812
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	180.086.726.576	160.232.235.614
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	20.118.414.136	83.567.395.238
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		35.723.960	35.723.960
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		546.288.784.466	582.900.213.995
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	546.288.784.466	582.900.213.995
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	386.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.000.000.000	386.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(46.460.000)	(46.460.000)
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		232.661.029	232.661.029
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		161.320.056.665	161.305.960.264
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.971.736.838)	21.319.519.429
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(1.262.019.911)	(931.747.972)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(14.709.716.927)	22.251.267.401
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.754.263.610	14.088.533.273
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.109.510.340.663	1.443.329.633.826



Nguyễn Hoàng Anh

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 4 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Phúc An

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hiền

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	188.049.554.111	456.365.708.840
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		188.049.554.111	456.365.708.840
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	134.485.172.523	330.107.476.699
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.564.381.588	126.258.232.141
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	8.519.265.219	24.733.561.279
6. Chi phí tài chính	22	5.4	21.403.244.088	34.510.077.030
Trong đó, chi phí lãi vay	23		21.266.054.273	34.350.012.740
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	23.494.783.565	28.328.749.576
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	35.069.723.033	35.590.637.036
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.884.103.879)	52.562.329.778
10. Thu nhập khác	31		3.364.053.155	3.822.926.344
11. Chi phí khác	32		386.184.430	3.140.450.426
12. Lợi nhuận khác	40		2.977.868.725	682.475.918
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.906.235.154)	53.244.805.696
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	944.276.069	11.698.932.204
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.831.589.726)	67.655.113
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.018.921.497)	41.478.218.379
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(14.693.680.901)	41.350.955.019
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		674.759.404	127.263.360
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.4	(384)	941
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.5	(384)	941



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Phúc An
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14.906.235.154)	53.244.805.696
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	22.191.801.440	23.494.511.157
Các khoản dự phòng	03		(431.006.607)	1.353.382.948
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.515.272.010)	(25.049.966.445)
Chi phí lãi vay	06	5.4	21.266.054.273	34.350.012.740
3. Lợi nhuận từ hoạt động	08		18.605.341.942	87.392.746.096
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		6.405.942.526	20.351.100.933
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		15.608.544.311	17.378.821.038
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(56.530.497.254)	(29.925.761.543)
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12		5.183.151.675	5.884.244.015
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.692.727.059)	(33.595.472.950)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(5.455.316.045)	(9.525.169.657)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.100.000	35.350.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.514.330.226)	(6.449.372.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.381.790.130)	51.546.484.973
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.022.499.887)	(43.160.577.787)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.195.277.778	531.350.166
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(13.705.000.000)	(322.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		265.000.000.000	402.147.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.688.668.386	22.702.567.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		262.156.446.277	60.220.340.067

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	281.739.311.070	523.234.925.932
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(513.141.580.394)	(616.032.345.446)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(648.981.102)	(1.297.962.204)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.944.649.840)	(591.867.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(256.995.900.266)	(94.687.248.723)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(34.221.244.119)	17.079.576.317
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		46.197.657.103	29.118.080.786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70		11.976.412.984	46.197.657.103



Nguyễn Hoàng Anh

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Phúc An

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hiền

Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty đã chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp". Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101396 thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp để thay đổi thông tin người đại diện pháp luật và điều chỉnh nội dung ngành nghề kinh doanh của công ty tại mã ngành 6810.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 386.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

- Chi nhánh xí nghiệp đầu tư và xây dựng;
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng BMC Đồng Tháp;
- Chi nhánh Nhà máy bê tông;
- Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Cao Lãnh;
- Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Xẻo Vạt.

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 336 (31/12/2023 là: 467).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh xây lắp và khai thác cát;
- Sản xuất công nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ;
- Thi công xây dựng công trình giao thông và công trình dân dụng;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp (KCN).

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Khai thác cát sông - Thi công san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (VLXD): Bê tông tươi - Bê tông ly tâm - Bê tông nhựa nóng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và kinh doanh nhà đất;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Khảo sát, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và dịch vụ tư vấn xây dựng;
- Sản xuất phụ tùng cơ khí và sửa chữa phương tiện thủy, bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội địa; Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Trong năm 2024, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp.

1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích (%)	
				Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
1.	Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy.	Cao Lãnh, Đồng Tháp	51,00%	51,00%
2.	Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng; tư vấn môi trường; Tư vấn đấu thầu,...	Cao Lãnh, Đồng Tháp	67,90%	67,90%

1.7. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty trong kỳ báo cáo

Trong năm 2024, tất cả các giấy phép khai thác cát của Nhóm Công ty đã hết hạn, nhưng các giấy phép khai thác cát này không được tái gia hạn như thường lệ. Do đó, Nhóm Công ty đã tiến hành các thủ tục cần thiết để đóng các mỏ cát theo quy định hiện hành. Điều này làm cho sản lượng khai thác cát trong năm 2024 giảm đáng kể so với năm 2023.

Đồng thời, hoạt động kinh doanh khác cũng gặp nhiều khó khăn theo tình hình chung của thị trường.

Do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong năm 2024 đã giảm so với năm trước lần lượt là 59%, 59% và 135%.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

2.6. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 187.521.699.760 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty phụ thuộc vào các hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược trong tương lai. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, không có lý do gì để Ban Giám đốc Nhóm Công ty tin rằng các ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược sẽ không tiếp tục cung cấp hỗ trợ tài chính cần thiết cho Nhóm Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, Ban giám đốc đã lập kế hoạch kinh doanh và dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tài chính dựa trên một số giả định sau:

- Kế hoạch sử dụng tiền gửi có kỳ hạn:

Nhóm Công ty đã đạt được thỏa thuận với ngân hàng về việc Nhóm Công ty sẽ thanh toán nợ vay đến hạn bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mà Nhóm Công ty đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Kế hoạch cho thuê đất tại Cụm Công nghiệp Tân Lập:

Nhóm Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định, nhằm cho thuê hơn 10 ha diện tích đất tại Cụm Công nghiệp Tân Lập đối với nhà đầu tư đã ký thỏa thuận thuê đất và Nhóm Công ty dự kiến sẽ tất toán thủ tục này trong tháng 04/2025.

- Gia hạn thời hạn thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2022 và cổ tức năm 2023:

Đối với Cổ tức đợt 2 năm 2022 với giá trị khoảng 25 tỷ VND, Nhóm Công ty đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 05/08/2024 để gia hạn, tạm hoãn chia cổ tức đợt 2 năm 2022.

Đối với Cổ tức năm 2023 với giá trị khoảng 24 tỷ VND, Nhóm Công ty dự tính thực hiện các thủ tục cần thiết để giãn lịch trả cổ tức. Cổ tức sẽ được thanh toán khi tình hình hoạt động kinh doanh tốt lên.

- Thu hồi khoản tiền trả trước cho Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp:

Nhóm Công ty đã kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các lô đất đã đấu giá tại huyện Châu Thành, hoặc giao lại các lô đất này cho Cơ quan quản lý Nhà nước để nhận lại số tiền đã nộp trúng thầu đấu giá là 26.513.835.000 VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 – 30 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 07 năm
▪ Tài sản khác	10 – 20 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể, hạ tầng khu công nghiệp là 40 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Nhóm Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho quyền sử dụng đất là 25 năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư (BĐSDT) hoặc từ BĐSĐT sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như hàng tồn kho chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động;

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa BĐSĐT với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

3.11. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ từ 3 tháng đến 21 tháng.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.19. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại Mục 3.20 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.23. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân công, nhiên liệu, khấu hao tài sản cố định, quảng cáo, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất: không chịu thuế;
- Các hàng hóa dịch vụ còn lại: 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

3.25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.26. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.27. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.28. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	2.138.735.073	2.379.268.343
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.837.677.911	18.818.388.760
Tương đương tiền	-	25.000.000.000
Cộng	11.976.412.984	46.197.657.103

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 – 13 tháng với lãi suất trung bình từ 2,9%/năm đến 4,8%/năm, được chi tiết như sau:

Số thứ tự	Ngân hàng	Số tiền tại ngày 31/12/2024 VND	Thời hạn gốc (tháng)	Cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	19.000.000.000	06 – 12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 16.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.18.
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – PGD Lý Thường Kiệt	9.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 9.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.18.
3	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh	22.500.000.000	06 – 12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh với số tiền 22.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.18.
4	Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển	205.000.000	6	
5	Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Đồng Tháp	3.000.000.000	13	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 3.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.18.
Tổng		53.705.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Docimexco	1.192.413.670	-	(1.192.413.670)	1.192.413.670	-	(1.192.413.670)

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Docimexco để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP tại tỉnh Đồng Tháp	7.472.691.217	5.738.310.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hải Đăng tại Đồng Tháp	3.541.332.000	-
Các khách hàng khác (*)	19.601.714.721	26.869.964.940
Cộng	30.615.737.938	32.608.274.940

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trung tâm phát triển Quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp (*)	26.513.835.000	26.513.835.000
Các nhà cung cấp khác (**)	4.498.899.608	6.749.584.941
Cộng	31.012.734.608	33.263.419.941

(*) Là khoản tiền trả trước cho Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất tọa lạc xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã nộp hồ sơ để xử lý nhưng chưa hoàn tất.

(**) Tại ngày 31/12/2024, trả trước cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.514.813.271	-	11.684.216.438	-
Tạm ứng	1.008.508.213	-	841.200.683	-
Phải thu khác (*)	736.914.262	-	4.122.041.066	-
Cộng	3.260.235.746	-	16.647.458.187	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	10.124.970.631	-	9.909.908.852	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải thu khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.547.165.710	-	9.265.421.057	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.610.331.651	-	3.951.784.920	-
Thành phẩm	2.447.397.785	(39.512.154)	3.313.731.855	-
Hàng hóa	37.728.250.785	-	47.410.752.410	-
Cộng	48.333.145.931	(39.512.154)	63.941.690.242	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 39.512.154 VND.

Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là 32.065.764.857 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười (*)	437.722.416.211	429.507.168.211

(*) Các thông tin có liên quan đến Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười như sau:

- Quyền khai thác dự án Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát Triển tỉnh Đồng Tháp – Xem thêm Mục 4.18.
- Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười đã điều chỉnh tổng mức đầu tư hai lần. Lần một, từ 800 tỷ VND lên 1.266 tỷ VND, lần hai từ 1.266 tỷ VND lên 1.410 tỷ VND (trong đó, chi phí đầu tư của Công ty là 925 tỷ). Tại ngày 31/12/2024, hồ sơ đề nghị điều chỉnh đã được đệ trình Thủ tướng Chính phủ và đang chờ phê duyệt – Xem thêm Mục 9.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm là 8.215.248.000 VND – Xem thêm Mục 5.4.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nguyên giá:	Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm hết nhưng vẫn còn sử dụng là 161.315.543.639 VND.					
		Tài ngày 01/01/2024	Tài ngày 31/12/2024	Tài ngày 01/01/2024	Tài ngày 31/12/2024	Tài ngày 01/01/2024	Tài ngày 31/12/2024
Nhà cửa, vật kiến trúc	VND	40.019.860.936	235.015.515.121	84.079.633.814	680.214.270	8.048.844.657	367.844.068.798
Mua trong năm	-	48.831.600	1.759.000.000	83.720.633.814	680.214.270	8.048.844.657	372.432.010.741
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	173.475.139	(5.169.248.682)	-	-	-	173.475.139
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.400.000.000)	-	-	-	(6.569.248.682)
Tài ngày 01/01/2024	40.019.860.936	239.962.457.064	83.720.633.814	680.214.270	8.048.844.657	372.432.010.741	367.844.068.798
Mua trong năm	-	48.831.600	1.759.000.000	83.720.633.814	680.214.270	8.048.844.657	372.432.010.741
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	173.475.139	(5.169.248.682)	-	-	-	173.475.139
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.400.000.000)	-	-	-	(6.569.248.682)
Tài ngày 01/01/2024	22.257.704.946	192.202.829.951	56.871.688.940	680.214.270	3.151.753.266	275.164.191.373	275.164.191.373
Khấu hao trong năm	1.869.733.400	10.971.969.998	4.757.759.296	-	795.403.098	18.394.865.792	18.394.865.792
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.995.922.843)	(1.400.000.000)	-	-	(6.395.922.843)	(6.395.922.843)
Tài ngày 31/12/2024	24.127.438.346	198.178.877.106	60.229.448.236	680.214.270	3.947.156.364	287.163.134.322	287.163.134.322
Giá trị còn lại:							
Tài ngày 01/01/2024	17.762.155.990	47.759.627.113	26.848.944.874	-	4.897.091.391	97.267.819.368	97.267.819.368
Tài ngày 31/12/2024	15.892.422.590	36.836.638.015	23.850.185.578	-	4.101.688.293	80.680.934.476	80.680.934.476

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2024	3.440.356.725	76.000.000	2.512.987.605	6.029.344.330
Tại ngày 31/12/2024	3.440.356.725	76.000.000	2.512.987.605	6.029.344.330
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2024	-	76.000.000	2.512.987.605	2.588.987.605
Tại ngày 31/12/2024	-	76.000.000	2.512.987.605	2.588.987.605
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2024	3.440.356.725	-	-	3.440.356.725
Tại ngày 31/12/2024	3.440.356.725	-	-	3.440.356.725

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.588.987.605 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toàn được Nhóm Công ty thuê lại từ Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp với giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>				
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng – Cụm công nghiệp	86.377.599.542	-	-	86.377.599.542
Cộng	86.377.599.542	-	-	86.377.599.542
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng – Cụm công nghiệp	8.925.685.292	3.455.103.984	-	5.470.581.308
Cộng	8.925.685.292	3.455.103.984	-	5.470.581.308
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng – Cụm công nghiệp	77.451.914.250	-	-	80.907.018.234
Cộng	77.451.914.250	-	-	80.907.018.234

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư là 77.451.914.250 VND đã được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc – Xem thêm Mục 4.18.

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Cấp phép khai thác khoáng sản	-	2.212.079.939
Khác	295.105.990	409.312.213
Cộng	295.105.990	2.621.392.152
Dài hạn:		
Tiền thuê đất Cụm CN Tân Lập (*)	228.884.581.019	229.668.637.019
Tiền thuê đất KCN Trần Quốc Toản (**)	69.729.556.431	71.796.581.919
Tiền thuê mặt bằng	1.099.760.000	1.892.240.008
Chi phí sửa chữa	2.052.823.163	1.162.527.784
Khác	2.032.140.571	1.919.397.399
Cộng	303.798.861.184	306.439.384.129

(*) Tiền thuê đất tại Cụm CN Tân Lập là tiền thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (tính đến ngày 17 tháng 08 năm 2070) đối với diện tích cho thuê 389.014,3 m2.

(**) Tiền thuê đất tại KCN Trần Quốc Toản là tiền thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (tính đến ngày 13 tháng 02 năm 2058) đối với diện tích cho thuê 395.621,4 m2.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Trường Phát	2.500.000.000	2.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các đối tượng khác (*)	15.585.995.691	15.585.995.691	19.914.332.165	19.914.332.165
Cộng	18.085.995.691	18.085.995.691	22.914.332.165	22.914.332.165

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi khoản nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ban QLDA và PTQĐ Huyện Lấp Vò	1.743.902.000	2.842.333.000
Các khách hàng khác	2.981.837.488	10.209.902.033
Cộng	4.725.739.488	13.052.235.033

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.615.331.835	11.027.218.496	10.094.727.992	-	4.547.822.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	938.041.520	5.455.316.045	944.276.069	-	5.449.081.496
Thuế thu nhập cá nhân	-	213.851.280	798.803.291	905.275.961	-	107.378.610
Thuế tài nguyên	-	-	17.279.647.500	4.976.190.000	-	12.303.457.500
Phí môi trường	35.943	-	6.394.571.150	2.189.523.600	-	4.205.011.607
Tiền thuê đất, thuê mặt nước	-	-	718.215.099	954.413.973	236.198.874	-
Thuế môn bài	-	-	20.000.000	20.000.000	-	-
Thuế phải nộp khác	692.898.328	-	23.019.444.482	17.444.021.968	-	4.882.524.186
Các loại thuế khác	-	30.154.268	-	-	-	30.154.268
Cộng	692.934.271	4.797.378.903	64.713.216.063	37.528.429.563	236.198.874	31.525.430.006

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	4.683.944.073	4.711.024.208
Dài hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	180.086.726.576	160.232.235.614
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là:		

- Khoản tiền khách hàng trả trước một lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại khu công nghiệp Trần Quốc Toản trong vòng 50 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 13 tháng 02 năm 2058 và;
- Khoản tiền khách hàng trả trước một lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại Cụm Công nghiệp Tân Lập trong vòng 48 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 17 tháng 08 năm 2070.

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả cho các cổ đông về cổ tức được chia (*)	49.646.690.916	50.423.664.989
Nhận ký quỹ, ký cược	250.000.000	250.000.000
Phải trả, phải nộp khác	123.024.810	96.651.211
Cộng	50.019.715.726	50.770.316.200

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2024 ngày 26/06/2024 và phải trả cổ tức đợt 2 năm 2022 có giá trị lần lượt là 24.167.675.767 VND và 25.109.853.760 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	26.852.624.949	26.852.624.949	41.680.810.664	148.780.392.167	133.952.206.452	133.952.206.452
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc	50.247.686.220	50.247.686.220	114.995.103.921	131.647.417.701	66.900.000.000	66.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc	-	-	28.500.000.000	78.500.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh	31.000.000.000	31.000.000.000	75.500.000.000	94.500.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	21.063.396.485	42.963.770.515	21.900.374.030	21.900.374.030
Vay dài hạn đến hạn trả	162.448.981.102	162.448.981.102	46.049.999.989	-	116.398.981.113	116.398.981.113
Cộng	270.549.292.271	270.549.292.271	327.789.311.059	496.391.580.383	439.151.561.595	439.151.561.595

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dài hạn:

Quỹ Đầu tư Phát						
Triển tỉnh Đồng Tháp	107.800.000.000	107.800.000.000	-	-	107.800.000.000	107.800.000.000
Ngân hàng TMCP						
Công thương Việt						
Nam - Chi Nhánh Sa						
Đéc	54.000.000.000	54.000.000.000	-	15.000.000.000	69.000.000.000	69.000.000.000
Ngân hàng TMCP						
Đầu tư và Phát triển						
Việt Nam - Chi nhánh						
Đồng Tháp	-	-	-	1.750.000.011	1.750.000.011	1.750.000.011
Nợ thuê tài chính	20.767.395.238	20.767.395.238	-	648.981.102	21.416.376.340	21.416.376.340
Trừ: vay dài hạn đến						
hạn trả	(162.448.981.102)	(162.448.981.102)	-	46.049.999.989	(116.398.981.113)	(116.398.981.113)
Cộng	20.118.414.136	20.118.414.136	-	63.448.981.102	83.567.395.238	83.567.395.238

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp:

Hạn mức vay:	110.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 27 tháng 06 năm 2025.
Lãi suất:	Theo từng giấy nhận nợ, dao động từ 4,5%/năm đến 6,7%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty (trừ hoạt động bất động sản).
Tài sản đảm bảo:	Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng – Xem thêm Mục 4.2, chi tiết: <ul style="list-style-type: none">Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 16.000.000.000 VND;Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – PGD Lý Thường Kiệt có giá trị là 9.000.000.000 VND;Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 3.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc – tỉnh Đồng Tháp:

Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: 06 tháng.
Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ, dao động từ 6,1%/năm đến 7%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: 13 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có 5 miếng đất của KCN Thụy Vân – Xem thêm Mục 4.6.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh:

Hạn mức vay: 50.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28 tháng 06 năm 2025.
Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ, dao động từ 5,5%/năm đến 6,0%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh có giá trị là 22.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

- Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Tháp:

Hạn mức vay: 134.800.000.000 VND.
Thời hạn vay: 05 năm.
Lãi suất: Trung bình khoảng 7,6%/năm.
Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án Khu công nghiệp Tân Kiều – Xem thêm Mục 4.7.

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc:

Hạn mức vay: 215.868.000.000 VND.
Thời hạn vay: 48 tháng.
Lãi suất: Trung bình khoảng 10%/năm.
Mục đích vay: Thanh toán tiền thuê đất thuộc dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Lập.
Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất, hàng hoá bất động sản và tài sản gắn liền với đất – Xem thêm Mục 4.6 và 4.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Khoản nợ thuê tài chính của Nhóm Công ty là khoản thuê hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toản giữa Nhóm Công ty và Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng số 02/HĐ ngày 11 tháng 08 năm 2010, với tổng giá trị thuê hạ tầng là 12.457.518.514 đồng trong 46 năm, bắt đầu từ năm 2010 kết thúc năm 2058. Tổng giá trị thuê hạ tầng sẽ được điều chỉnh khi các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành và được Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Theo Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp, Nhóm Công ty và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp ký thêm phụ lục hợp đồng cho Hợp đồng thuê số 02/HĐ, điều chỉnh giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toản là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Thời hạn:						
Từ 1 năm trở xuống	648.981.102	-	648.981.102	648.981.102	-	648.981.102
Trên 1 năm đến 5 năm	2.595.924.408	-	2.595.924.408	2.595.924.408	-	2.595.924.408
Trên 5 năm	17.522.489.728	-	17.522.489.728	18.171.470.830	-	18.171.470.830
Cộng	20.767.395.238	-	20.767.395.238	21.416.376.340	-	21.416.376.340

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 03 đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu (*)					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	386.000.000.000	232.661.029	(46.460.000)	148.400.982.010	49.597.707.048	584.184.890.087
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	41.478.218.379	41.478.218.379
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	12.904.978.254	(12.904.978.254)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.053.490.529)	(7.053.490.529)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(49.942.447.600)	(49.942.447.600)
Tặng khác	-	-	-	-	189.568.879	189.568.879
Giảm khác	-	-	-	-	(45.058.494)	(45.058.494)
Tại ngày 01/01/2024	386.000.000.000	232.661.029	(46.460.000)	161.305.960.264	21.319.519.429	568.811.680.722
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(14.693.680.901)	(14.693.680.901)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	14.096.401	(14.096.401)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	1.746.422.306	1.746.422.306
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(24.167.675.767)	(24.167.675.767)
Tặng khác	-	-	-	-	54.598.428	54.598.428
Giảm khác	-	-	-	-	(216.823.932)	(216.823.932)
Tại ngày 31/12/2024	386.000.000.000	232.661.029	(46.460.000)	161.320.056.665	(15.971.736.838)	531.534.520.856

(*) Không bao gồm lợi ích cổ đông không kiểm soát.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
UBND tỉnh Đồng Tháp (*)	196.860.000.000	196.860.000.000
Ông Ngô Thành Nguyên	29.041.000.000	30.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	160.099.000.000	158.640.000.000
Cộng	386.000.000.000	386.000.000.000

(*) Các thông tin liên quan đến vốn của UBND tỉnh Đồng Tháp như sau:

- Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp".

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(4.600)	(4.600)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.595.400	38.595.400

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(14.693.680.901)	41.350.955.019
Chi thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành (Trích)/Hoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(139.717.000)	(231.055.000)
	-	(4.783.382.918)
Lãi để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(14.833.397.901)	36.336.517.101
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	38.595.400	38.595.400
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(384)	941

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2024	161.305.960.264
Trích trong năm	14.096.401
Tại ngày 31/12/2024	161.320.056.665

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cát khai thác	55.734.097.875	280.823.896.926
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	70.426.547.120	78.236.041.364
Doanh thu công trình XD CB	17.970.904.773	42.136.776.164
Doanh thu kinh doanh bất động sản	14.405.742.603	23.218.570.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.512.261.740	31.950.424.163
Cộng	188.049.554.111	456.365.708.840

Doanh thu năm 2024 giảm 59% so với 2023 như được thuyết minh tại Mục 1.7.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn cát khai thác	34.573.398.352	201.824.773.595
Giá vốn công trình XD CB	18.806.810.869	40.937.414.117
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	49.126.280.634	55.359.718.016
Giá vốn hàng hóa bất động sản	10.796.577.772	16.443.313.780
Giá vốn thử nghiệm, dịch vụ khác	21.182.104.896	15.542.257.191
Cộng	134.485.172.523	330.107.476.699

Giá vốn hàng bán năm nay giảm là do doanh thu giảm như được thuyết minh tại Mục 1.7.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.266.935.526	24.492.112.222
Lãi tiền gửi thanh toán	32.810.693	26.504.057
Doanh thu hoạt động tài chính khác	219.519.000	214.945.000
Cộng	8.519.265.219	24.733.561.279

Nhóm Công ty đã sử dụng tiền gửi có kỳ hạn để thanh toán cho các khoản vay đến hạn, điều này làm cho lượng tiền gửi có kỳ hạn trong năm giảm dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính giảm 66%.

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay (*)	21.266.054.273	34.350.012.740
Chi phí khác	137.189.815	160.064.290
Cộng	21.403.244.088	34.510.077.030

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm là 8.215.248.000 VND – Xem thêm Mục 4.7.

Chi phí tài chính năm 2024 giảm 38% so với năm 2023 do giảm lượng tiền vay và lãi suất vay bình quân giảm từ 9%/năm (trong năm 2023) còn 7%/năm (trong năm 2024).

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	6.523.694.440	7.970.614.616
Chi phí nhiên liệu	6.419.094.406	8.034.128.315
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.547.282.661	6.740.349.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.373.453.370	2.022.166.592
Chi phí khác	1.631.258.688	3.561.490.213
Cộng	23.494.783.565	28.328.749.576

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.006.521.786	14.105.466.971
Chi phí vật liệu quản lý	953.064.578	260.803.014
Chi phí đồ dùng văn phòng	381.433.077	744.850.242
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.547.343.824	3.610.619.218
Thuế, phí và lệ phí	2.130.905.774	888.225.784
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	221.779.851	846.888.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.114.939.229	1.217.800.113
Chi phí khác	11.713.734.914	13.915.982.856
Cộng	35.069.723.033	35.590.637.036

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.984.340.185	133.827.917.949
Chi phí nhân công	38.887.942.047	63.383.952.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.191.801.440	23.494.511.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.766.331.848	54.075.969.238
Chi phí khác bằng tiền	23.226.672.553	131.304.660.200
Cộng	193.057.088.073	406.087.011.033

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Nhóm Công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp	20%
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	20%
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	20%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	281.739.311.070	523.234.925.932

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(513.141.580.394)	(616.032.345.446)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của công ty mẹ được chi tiết như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Võ Đình Quốc Huy	Chủ tịch HĐQT	538.290.000	840.004.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	412.988.000	-
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	-	67.721.000
Ông Âu Dương Bửu Xuyên	Phó Chủ tịch HĐQT	41.670.000	43.273.000
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/06/2023)	-	350.265.000
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2023)	-	613.672.000
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	405.910.000	634.298.000
Ông Nguyễn Trung Ân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	325.822.000	354.334.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	-	590.781.000
Ông Nguyễn Phúc An	Kế toán trưởng	354.017.000	479.890.000
Cộng		2.078.697.000	3.974.238.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban kiểm soát công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Đặng Thanh Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	354.017.000	549.509.000
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên Ban kiểm soát	121.185.000	203.617.000
Bà Trương Mộng Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	100.229.000	-
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 27/06/2023)	-	17.455.000
Bà Trần Huỳnh Tâm Minh	Thành viên Ban kiểm soát	115.978.000	175.455.000
Cộng		691.409.000	946.036.000

9. KẾ HOẠCH MUA TÀI SẢN HỮU HÌNH CÓ GIÁ TRỊ LỚN TRONG TƯƠNG LAI

Các kế hoạch về chi tiêu tạo lập tài sản cố định tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cụm công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười (*)	446.694.000.000	446.694.000.000

(*) Nhóm Công ty đang điều chỉnh tổng mức đầu tư, hồ sơ đề nghị điều chỉnh đã được trình Thủ tướng Chính phủ và đang chờ phê duyệt – Xem thêm Mục 4.7.

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 40 năm, với tiền thuê cố định mỗi năm.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	787.329.581	3.090.551.352
Tại ngày 31/12/2024, Nhóm Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:		
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	716.052.053	737.502.053
Trên 1 năm đến 5 năm	3.570.510.264	3.572.460.264
Trên 5 năm	8.869.607.706	9.583.709.759
Cộng	13.156.170.023	13.893.672.076

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán riêng (Trích):

	Tại ngày 01/01/2024 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 31/12/2023 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.608.274.940	32.503.659.200
Hàng tồn kho	63.941.690.242	64.024.594.891
Phải thu dài hạn khác	9.909.908.852	9.495.745.852
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.525.430.006	31.290.343.821
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.319.519.429	21.118.731.523

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Trích):

	Năm 2023 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2023 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	456.365.708.840	456.261.093.100
Giá vốn hàng bán	330.107.476.699	330.024.572.050
Doanh thu hoạt động tài chính	24.733.561.279	24.518.616.279
Chi phí khác	3.140.450.426	3.038.985.779
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.698.932.204	11.621.600.986
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	941	887

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Trích):

	Năm 2023 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2023 VND (Đã được báo cáo trước đây)
(Tăng), giảm các khoản phải thu	20.351.100.933	20.670.661.673
(Tăng), giảm hàng tồn kho	17.378.821.038	17.295.916.389
Tiền lãi vay đã trả	(33.595.472.950)	(33.696.937.597)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Nhóm Công ty điều chỉnh theo quyết định của Kiểm toán Nhà nước số 499/TB-KV-IX ngày 18/09/2024.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Trong năm 2024, Nhóm Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để đóng các mỏ cát. Theo đó, một số mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ, một số đã thông qua đề án đóng cửa mỏ và chỉ phát sinh chi phí tư vấn làm thủ tục đóng cửa mỏ, hỗ trợ chi phí trồng cây dọc bờ sông, chưa phát sinh chi phí hoàn nguyên môi trường. Do đó, Nhóm Công ty chưa nhận thấy và cũng không có cơ sở để ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường đối với việc đóng cửa các mỏ cát.



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Phúc An
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hiền
Người lập

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025